

Bản án số: 14/2018/HS-ST

Ngày 30-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Ngọc

Bà Lưu Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Anh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2018; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Triệu Văn H; S ngày: 08/10/1984; tại xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn T và bà Lương Thị E; vợ Lê Thị N; con: Có 03 con, lớn nhất S năm 2003, nhỏ nhất S năm 2013; tiền án: Ngày 11/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, xử 04 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội Đánh bạc, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2017, tạm giam từ ngày 03/01/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn H: Ông Lương Văn C là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Triệu Văn S, S năm: 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Chị Lê Thị N, S năm: 1981

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người chứng kiến:

Ông Lương Trọng T, S năm: 1958

Địa chỉ: Khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 35 phút ngày 31/12/2017, bị cáo Triệu Văn H, S năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; đang có hành vi vận chuyển 79.000.000 đồng tiền giả loại mệnh giá 200.000 đồng/tờ từ Trung Quốc vào Việt Nam để mang xuống Hà Nội bán, khi đi đến quốc lộ 1B đoạn qua khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; thì bị tổ công tác Phòng PA81 Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang.

So sánh về cấu thành tội và điều khoản truy tố của hai điều luật tương ứng với số tiền giả mà bị cáo vận chuyển 79.000.000 đồng; thì khoản 2 Điều 180 của Bộ luật hình sự năm 1999 nhẹ hơn (từ năm năm đến mười hai năm); khoản 3 Điều 207 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân).

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 tiếp tục áp dụng khoản 2 Điều 2 và các quy định khác có lợi cho người phạm tội tại Nghị quyết số 41/2017/QH14;

Theo đó điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng như sau: *“Các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, xóa bỏ một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích”*.

Đồng thời khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 quy định: *“Điều luật xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng, quy định một hình phạt nhẹ hơn, một tình tiết giảm nhẹ mới hoặc mở rộng phạm vi áp dụng án treo, miễn trách nhiệm hình sự, loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, xóa án tích và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành”*.

Hành vi vận chuyển tiền giả của bị cáo Triệu Văn H bị bắt quả tang vào ngày 31/12/2017. Vì vậy trường hợp này bị cáo bị xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định số 40/KLGD-PC54 ngày 02/01/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Toàn bộ số tiền thu giữ của Triệu Văn H gồm 395 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam loại mệnh giá 200.000 đồng/tờ = 79.000.000 đồng qua giám định đều là tiền Việt Nam giả.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKS-P3 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Triệu Văn H về tội vận chuyển tiền giả theo quy định tại khoản 2 điều 180 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn được phân công giữ quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Triệu Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 180 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên phạt bị cáo Triệu Văn H từ 06 đến 07 năm tù.

Không áp dụng hình phạt tiền, tịch thu tài sản là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Triệu Văn H.

Về tang vật của vụ án: Tuyên tịch thu tiêu hủy một gói niêm phong hình khối chữ nhật màu trắng, dán kín. Kích thước dài 15cm; rộng 6,5cm; cao 5cm. Tại các nếp dán có chữ ký cùng tên của Cao Thê A, Nông Quang P, Hứa Thành Q và 03 dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn (bên trong có 395 tờ tiền Việt Nam giả loại mệnh giá 200.000đ/tờ = 79.000.000 đồng); 04 tờ báo hình vuông có chữ nước ngoài; một túi nilon màu trắng; một áo mưa màu xám.

Tuyên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước một điện thoại di động nhãn hiệu mobell, máy cũ, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 810033600466816; IMEI 2: 810034600466816 (kiểm tra IMEI trên thân máy), bên trong có 01 sim mạng Viettel và 01 sim mạng Vinaphone.

Tuyên trả cho chủ sở hữu hợp pháp một xe mô tô (xe máy) nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 12S1 - 04542. Số máy MVBACD 005606; số khung 11HDED 005606 và chìa khóa xe.

Bị cáo không có ý kiến gì về phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát, chỉ có ý kiến xin với Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà bị cáo Triệu Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Giữa năm 2014, bị cáo Triệu Văn H sang B, Trung Quốc làm thuê và ở trọ

gần chợ B. Thời gian này bị cáo H có quen một người phụ nữ Việt Nam tên là S không biết họ, địa chỉ khoảng 40 đến 50 tuổi; người phụ nữ tên S cho bị cáo H số điện thoại 008618579814318 và 008615676095190 để liên lạc. Cuối tháng 10 năm 2017, bị cáo H đang ở nhà tại thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nhận được điện thoại của người phụ nữ tên S số 008615676095190. Qua nói chuyện người phụ nữ tên S cho biết có tiền giả bán, tiền giả rất đẹp, nếu bị cáo H biết ai có nhu cầu mua tiền giả thì giới thiệu hoặc trực tiếp sang mua tiền giả với người phụ nữ tên S; bị cáo H bảo với người phụ nữ tên S cho xem tiền giả mẫu, người phụ nữ tên là S nói khi nào có tiền giả sẽ điện đề bị cáo H sang Trung Quốc xem. Ngày 26/12/2017 người phụ nữ tên là S điện thoại thông báo cho bị cáo H biết đã có tiền giả loại đẹp; và nói sẽ giới thiệu cho bị cáo H một người có nhu cầu mua tiền giả. Người phụ nữ tên S đã cho bị cáo H số điện thoại 01673979407 của người khách ở Hà Nội đang có nhu cầu mua tiền giả. Ngày 31/12/2017 bị cáo H sang nhà anh trai ở B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, mượn xe máy nói là đi có việc một lúc, H thực tế bị cáo H đã đi xe máy lên xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn rồi sang Trung Quốc mua tiền giả với người phụ nữ tên S, bị cáo H đưa cho người phụ nữ tên S 10.000.000 đồng tiền Việt Nam thật, người phụ nữ tên S đưa cho bị cáo 79.000.000 đồng tiền Việt Nam giả. Trên đường bị cáo H mang tiền giả về Hà Nội để bán cho một người đàn ông không biết tên hẹn gặp nhau tại đầu cầu Bắc Thăng Long, Hà Nội; thì bị Cơ quan Công an tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Số lượng tiền giả bị cáo Triệu Văn H đang vận chuyển trên đường đi tiêu thụ bị bắt là 79.000.000 đồng; căn cứ theo quy định tại điểm 3.2 mục 3 phần 1 Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bị cáo Triệu Văn H bị truy tố theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, việc vận chuyển tiền Việt Nam giả để đi tiêu thụ là làm lũng đoạn thị trường, xâm phạm đến quyền quản lý tài chính của Nhà nước. Vì vậy cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân bị cáo là người khỏe mạnh, nhận thức được việc vận chuyển tiền giả là vi phạm pháp luật H vì hám lợi từ việc mua tiền giả để đem đi bán kiếm lời bị cáo đã cố ý phạm tội. Về tình tiết tăng nặng ngày 11/3/2016 bị cáo Triệu Văn H bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, xử 04 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội Đánh bạc. Như vậy đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tính, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Triệu Văn H đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, vì vậy cần áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt.

[4] Không áp dụng hình phạt tiền, tịch thu tài sản là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Triệu Văn H, vì bị cáo không có tài sản riêng, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo.

[5] Đối với người phụ nữ tên là S, bị cáo Triệu Văn H khai là người Việt Nam nH không biết họ, địa chỉ cụ thể, S sống tại B, Q, Trung Quốc. Xác minh số điện thoại 008618579814318 và số điện thoại 008615676095190 mà người phụ nữ tên S sử dụng, Cơ quan viễn thông cung cấp hai số điện thoại trên thuộc mã điện thoại quốc gia Trung Quốc. Do không có thông tin cụ thể và ở ngoài lãnh thổ Việt Nam nên cơ quan điều tra không có đủ điều kiện xác minh làm rõ. Như vậy không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với người phụ nữ tên S là đúng quy định.

[6] Đối với người khách mà bị cáo H liên hệ để bán tiền giả, do bị cáo H không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể, chưa gặp nhau lần nào. Xác minh số điện thoại 01673979407 mà người khách mua tiền giả sử dụng; Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel cung cấp là thuê bao trả trước, chủ thuê bao là Vũ Văn H, S ngày 01/5/1953, địa chỉ: Trạch M, P, Hà Nội, chứng minh thư nhân dân số 009103258 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/3/1990. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại xã Trạch M, P, Hà Nội không có ai tên là Vũ Văn H. Xác minh về chứng minh thư nhân dân số 009103258 không có thông tin, tài liệu trong hệ thống tàng thư căn cước công dân do phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an Hà Nội quản lý. Vì vậy Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ. Như vậy là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[7] Về tang vật của vụ án:

[8] Đối với một gói niêm phong hình khối chữ nhật màu trắng, dán kín. Kích thước dài 15cm; rộng 6,5cm; cao 5cm. Tại các nếp dán có chữ ký cùng tên của Cao Thế A, Nông Quang P, Hứa Thành Q và 03 dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn (bên trong có 395 tờ tiền Việt Nam giả loại mệnh giá 200.000đ/tờ = 79.000.000 đồng); 04 tờ báo hình vuông có chữ nước ngoài; một túi nilon màu trắng; một áo mưa màu xám. Đây là tiền giả tang vật của vụ án không được phép lưu hành, cần tuyên tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[9] Đối với một điện thoại di động nhãn hiệu mobell, máy cũ, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 810033600466816; IMEI 2: 810034600466816 (kiểm tra IMEI trên thân máy), bên trong có 01 sim mạng Viettel và 01 sim mạng Vinaphone. Đây là phương tiện dùng liên lạc trong quá trình phạm tội cần tuyên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

[10] Đối với một xe mô tô (xe máy) nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 12S1 - 04542. Số máy MVBACD 005606; số khung 11HDED 005606 và chìa khóa xe. Đây là tài sản hợp pháp của anh Triệu Văn S, do bị cáo mượn đi dùng vào việc phạm tội anh Triệu Văn S không biết. Vì vậy cần tuyên trả cho chủ sở hữu anh Triệu Văn S, trú tại: thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[11] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

[12] Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo xin với Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

[13] Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt là đầu khung (05 năm tù).

[14] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Triệu Văn S có ý kiến xin lại xe mô tô là tang vật của vụ án.

[15] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[16] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Triệu Văn H phạm tội "Vận chuyển tiền giả" theo quy định tại khoản 1 điều 180 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Áp dụng khoản 1 Điều 180 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Triệu Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày 31/12/2017 .

2. Về tang vật của vụ án:

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy một gói niêm phong hình khối chữ nhật màu trắng, dán kín. Kích thước dài 15cm; rộng 6,5cm; cao 5cm. Tại các mép dán có chữ ký cùng tên của Cao Thế A, Nông Quang P, Hứa Thành Q và 03 dấu tròn đỏ của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn (bên trong có 395 tờ tiền Việt Nam giả loại mệnh giá 200.000đ/tờ = 79.000.000 đồng); 04 tờ báo hình vuông có chữ nước ngoài; một túi nilon màu trắng; một áo mưa màu sẫm.

Tuyên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước một điện thoại di động nhãn hiệu mobell, máy cũ, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 810033600466816; IMEI 2: 810034600466816 (kiểm tra IMEI trên thân máy), bên trong có 01 sim mạng Viettel và 01 sim mạng Vinaphone.

Tuyên trả cho anh Triệu Văn S, trú tại: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn một xe mô tô (xe máy) nhãn hiệu SYM, biển kiểm soát 12S1 - 04542. Số máy MVBACD 005606; số khung 11HDED 005606 và chìa khóa xe.

(Vật chứng hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng giữa

Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn).

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Triệu Văn H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Bị cáo;
- UBND xã Vạn Thủy (thông báo);
-
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Mạnh Đức